

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-PT

Ngày: 04-01-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đắc Dương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính - Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 22/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Dương Thị M, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Lý Văn C, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị M và ông Lý Văn C: Ông Lý Quốc H, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (theo văn bản ủy quyền ngày 17/6/2017) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị M và ông Lý Văn C:

1. Ông Nguyễn Đình Thuận, là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn An Thuận Phát thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Ông Huỳnh Phước Hiệp, là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Huỳnh Phước Hiệp và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn T: Ông Diệp Minh Trường là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2. Ông Lý Quốc H, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

3. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp Nhì, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Đinh Văn P, sinh năm 1968; địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử mặt)

2. Ông Kiều Quốc V, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử mặt)

3. Ông Trần Văn B, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử mặt)

4. Bà Lâm Thị X, sinh năm 1945; địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (xin xét xử mặt)

- Người kháng cáo: Bà Dương Thị M và ông Lý Văn C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2013, vợ chồng bà Dương Thị M và ông Lý Văn C có nhờ bà lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà tại thửa 641, diện tích 7.120 m² để thế chấp Ngân hàng Kiên Long chi nhánh huyện T vay chung số tiền là 170.000.000 đồng, tiền lãi cùng chia trả; vợ chồng bà cũng đồng ý. Sau khi vay được tiền của Ngân hàng, vào buổi chiều ngày 08/8/2013, bà đến nhà bà Dương Thị M, giao cho bà Dương Thị M nhận tiền vay 90.000.000 đồng, số tiền còn lại 80.000.000 đồng vợ chồng bà sử dụng. Khi bà Dương Thị M nhận tiền, khoảng 05 phút sau thì bà Dương Thị M có nói với bà là

ông Lý Quốc H (Ông Lý Quốc H là con của bà Dương Thị M, là con rể của bà) có thiếu nợ ông Lê Văn Đ 40.000.000 đồng chưa trả, nếu bà Dương Thị M trực tiếp đứng ra trả thay ông Lý Quốc H thì khó xin tiền lãi, vì giữa bà Dương Thị M với ông Lê Văn Đ có bà con với nhau. Do đó, bà Dương Thị M mới lấy số tiền 40.000.000 đồng (trong số tiền 90.000.000 đồng nêu trên) đưa cho bà để trả nợ cho ông Lê Văn Đ thay ông Lý Quốc H, bà cũng đồng ý. Sau đó giữa bà với bà Dương Thị M cùng đến gặp ông Lê Văn Đ trả nợ.

Việc bà cho bà Dương Thị M mượn tiền 90.000.000 đồng nêu trên không ai biết, cũng không có làm biên nhận gì. Tuy nhiên, ngày 18/5/2015 là ngày đóng lãi cho Ngân hàng, bà Dương Thị M có đưa tiền cho bà bằng 3.150.000 đồng để đóng lãi thì có sự chứng kiến của ông Trần Văn B và bà Lâm Thị X. Đồng thời, trước đây khi Ủy ban nhân dân xã T có giải quyết chuyện vợ chồng của con và rể của bà (Giữa ông Lý Quốc H và chị Loan) thì bà cũng có đòi nợ bà Dương Thị M số nợ nêu trên, bà Dương Thị M có thừa nhận và hứa trả nợ, việc này có ông Đinh Văn P và ông Kiều Quốc V là người trực tiếp giải quyết sự việc chứng kiến.

Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Dương Thị M, ông Lý Văn C phải trả lại cho bà số tiền 90.000.000 đồng; bà không yêu cầu bà Dương Thị M, ông Lý Văn C trả các khoản tiền lãi mà bà đã trả nợ Ngân hàng và tiền lãi tính đến nay. Do bà Dương Thị M là người nhận tiền và sau đó mới lấy tiền đưa cho bà trả nợ ông Lê Văn Đ thay cho ông Lý Quốc H nên giữa bà Dương Thị M với ông Lý Quốc H tự giải quyết, bà không yêu cầu gì đối với ông Lý Quốc H.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lý Quốc H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Dương Thị M và ông Lý Văn C không có vay mượn tiền gì của bà Nguyễn Thị H nên không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 90.000.000 đồng như bà H yêu cầu. Việc bà Nguyễn Thị H cho rằng bà Dương Thị M có đưa tiền cho bà Nguyễn Thị H số tiền 40.000.000 đồng để trả nợ cho ông Lê Văn Đ thay ông là không có. Ông thừa nhận trước đây ông có nợ ông Lê Văn Đ 46.000.000 đồng nhưng ông đã trả cho ông Lê Văn Đ xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị H, ông không trình bày bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 93, 94, 95, 97, 99, 100, 147, 157, 165, 228, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 256 và Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Dương Thị M và ông Lý Văn C phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền bằng 90.000.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị H không yêu cầu bà Dương Thị M và ông Lý Văn C phải trả các khoản tiền lãi mà bà đã trả Ngân hàng và tiền lãi phát sinh nên không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/7/2016, bà Dương Thị M và ông Lý Văn C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị M và ông Lý Văn C phát biểu ý kiến như sau:

Ông Huỳnh Phước Hiệp trình bày: Khoản tiền 90.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị H cho rằng bà Dương Thị M và ông Lý Văn C vay của bà Nguyễn Thị H thì không có hợp đồng vay mượn và cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh, về số tiền cho vay là tài sản chung của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H nên bà Nguyễn Thị H không có quyền yêu cầu toàn bộ số tiền 90.000.000 đồng này; trong những người làm chứng thì không thấy Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập người làm chứng nên lời khai của những người này không phải là chứng cứ, không có cơ sở pháp lý, lời khai của nguyên đơn là không có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Ông Nguyễn Đình Thuận trình bày: Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2015 của bà Nguyễn Thị H cho rằng bà Dương Thị M và ông Lý Văn C có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà với diện tích 7.120 m² để thế chấp tại Ngân hàng Kiên Long vay số tiền 90.000.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thị H không có cơ sở chứng minh việc bị đơn có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này; tại phiên tòa hôm nay ông Lý Quốc H khẳng định trong cuộc giải quyết việc hôn nhân của ông tại Ủy ban nhân dân xã T ông không nghe bà Nguyễn Thị H và bà Dương Thị M nói về việc vay mượn tiền này; đối với số tiền 3.150.000 đồng bà Nguyễn Thị H cho rằng bà Dương Thị M đưa cho bà để đóng tiền lãi nhưng không có cơ sở chứng minh việc đóng lãi ở khoản tiền nào; lời khai của ông Lê Văn Đ cho rằng bà Nguyễn Thị H có trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng thay cho ông Lý Quốc H nhưng ông Lý Quốc H khẳng định là không có nhờ bà Nguyễn Thị H trả nợ thay cho ông Lý Quốc H; đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn T phát biểu ý kiến như sau: Việc bà Dương Thị M và ông Lý Văn C có mượn tiền của bà Nguyễn Thị H là có thật, người làm chứng là ông Trần Văn B và bà Lâm Thị X có thấy bà Dương Thị M đưa tiền cho bà Nguyễn Thị H để đi đóng tiền lãi Ngân hàng; lời trình bày của ông Đinh Văn P và ông Kiều Quốc V khẳng định có nghe bà Nguyễn Thị H hỏi bà Dương Thị M về số tiền vay 90.000.000 đồng và bà Dương Thị M khẳng định là có nợ của bà Nguyễn Thị H số tiền 90.000.000 đồng và hứa sẽ trả sau; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Việc bà Nguyễn Thị H cho rằng bà vay Ngân hàng Kiên Long số tiền 170.000.000 đồng để cho bà Dương Thị M mượn 90.000.000 đồng và bà Dương Thị M đưa lại cho bà đi trả nợ thay cho ông Lý Quốc H 40.000.000 đồng. Sự việc này, chỉ có bà Nguyễn Thị H và bà Dương Thị M biết, không có giấy tờ thỏa thuận, không có nhân chứng trực tiếp chứng kiến. Như vậy, không có chứng cứ chứng minh rằng bà Dương Thị M đưa 40.000.000 đồng nhờ bà Nguyễn Thị H trả nợ dùm cho ông Lý Quốc H. Trong khi đó ông Lê Văn Đ xác nhận bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp đưa tiền để trả nợ cho ông Lý Quốc H, vấn đề này trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Nguyễn Thị H cũng thừa nhận bà là người trực tiếp đưa 40.000.000 đồng cho ông Lê Văn Đ. Từ đó, bản án tuyên buộc bà Dương Thị M trả 40.000.000 đồng này là chưa có cơ sở vững chắc.

Cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị H và các nhân chứng là ông Trần Văn B, bà Lâm Thị X, ông Đinh Văn P là công chức xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh và ông Kiều Quốc V là Phó Bí thư Đảng ủy xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh biết được sự việc bà Nguyễn Thị H có cho bà Dương Thị M mượn 90.000.000 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên, ông Đinh Văn P và ông Kiều Quốc V không trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền mà chỉ nghe nói bà Nguyễn Thị H đòi tiền bà Dương Thị M 90.000.000 đồng. Cho nên, số tiền 40.000.000 đồng bà Nguyễn Thị H trực tiếp trả nợ thay ông Lý Quốc H cho ông Lê Văn Đ đã được các bên thừa nhận đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó nhận thấy, bà Dương Thị M nợ bà Nguyễn Thị H chỉ có 50.000.000 đồng là có căn cứ. Riêng số tiền 40.000.000 đồng bà Nguyễn Thị H trả thay ông Lý Quốc H, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Lý Quốc H trả nợ trong cùng vụ

án này, nên bà Nguyễn Thị H được quyền khởi kiện ông Lý Quốc H bằng một vụ án khác.

Xét thấy, kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị M và ông Lý Văn C là có căn cứ một phần. Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét đơn kháng cáo của bà Dương Thị M và ông Lý Văn C còn trong hạn luật định được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Dương Thị M và ông Lý Văn C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Dương Thị M và ông Lý Văn C trả cho bà số tiền 90.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị H cho rằng bà vay của Ngân hàng Kiên Long chi nhánh huyện T sau đó bà cho bà Dương Thị M và ông Lý Văn C vay lại, việc vay tiền này các bên không có lập thành văn bản cũng như không có người chứng kiến trực tiếp; bà Dương Thị M và ông Lý Văn C không thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 90.000.000 đồng. Tuy nhiên theo lời trình bày của ông Đinh Văn P xác nhận ông có nghe bà Nguyễn Thị H có đòi khoản nợ mà bà đã cho bà Dương Thị M mượn 90.000.000 đồng và tiền lãi, phía bà Dương Thị M thừa nhận và có hứa khi đến hạn sẽ trả 90.000.000 đồng vốn và tiền lãi; ông Kiều Quốc V xác nhận ông có nghe bà Nguyễn Thị H nhắc đến khoản nợ 90.000.000 đồng mà bà cho bà Dương Thị M mượn, nhưng không nghe bà Dương Thị M phản đối; ông Trần Văn B và bà Lâm Thị X xác nhận bà Dương Thị M có đưa cho bà Nguyễn Thị H số tiền 3.150.000 đồng để trả lãi Ngân hàng; do đó việc bà Nguyễn Thị H cho rằng bà có cho bà Dương Thị M và ông Lý Văn C vay tiền là có cơ sở. Tuy nhiên, sau đó bà Nguyễn Thị H lấy số tiền 40.000.000 đồng trong tổng số tiền 90.000.000 đồng mà bà đã giao cho bà Dương Thị M để trả trả cho ông Lê Văn Đ thay cho ông Lý Quốc H, vấn đề này cũng được ông Lê Văn Đ xác nhận nên thực tế là bà Dương Thị M và ông Lý Văn C có nhận của bà Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng nên bà Dương Thị M và ông Lý Văn C phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng nghĩ nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc bà Dương Thị M và ông Lý Văn C trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng. Đối với số tiền 40.000.000 đồng bà Nguyễn Thị H trả cho ông Lê Văn Đ thay cho ông Lý Quốc H thì bà Nguyễn Thị H được quyền khởi kiện ông Lý Quốc H bằng vụ kiện dân sự khác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tại phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị M và ông Lý Văn C, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) (40.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.250.000 đồng theo biên lai số 0010490 ngày 18/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; bà Nguyễn Thị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Dương Thị M và ông Lý Văn C phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) (50.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 30 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, bà Dương Thị M và ông Lý Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 30 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị M và ông Lý Văn C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H với bị đơn bà Dương Thị M và ông Lý Văn C.

Buộc bà Dương Thị M và ông Lý Văn C trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Do bà Nguyễn Thị H không yêu cầu bà Dương Thị M và ông Lý Văn C trả các khoản tiền lãi mà bà Nguyễn Thị H đã trả Ngân hàng và tiền lãi phát sinh nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm

trả, về lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) (40.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.250.000 đồng theo biên lai số 0010490 ngày 18/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; bà Nguyễn Thị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Dương Thị M và ông Lý Văn C phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) (50.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Dương Thị M và ông Lý Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà Dương Thị M và ông Lý Văn C 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0011634 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các quyết định khác bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Đắc Dương